ADC PLASTIC., JSC
HO: No.30/64 Ly Ai Street, Song Phuong, Hoai Duc, Ha Noi, Viet Nam.
Hanoi Office: No. 14-15, A18-BTSL2, Le Trong Tan str., An Khanh, Hoai Duc, Hanoi, Vietnam.
Factory: Rd. D1, Yen My II Industrial Zone, Yen My, Hung Yen, Vietnam

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Phiên bản: SDS_MN550_V2_241014

1. NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ THÔNG TIN NHÀ SẢN XUẤT

1) Mã sản phẩm: **CALMAST® MN550**
2) Khuyến nghị và hạn chế sử dụng
   - Khuyến nghị sử dụng hóa chất
   Nguyên liệu, nguyên liệu trung gian
   - Hạn chế sử dụng
   Chỉ sử dụng với mục đích được khuyến nghị
3) Thông tin chi tiết về nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn
   - Tên công ty: Công ty Cổ phần Nhựa Á Đông
   - Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Yên Mỹ, Hưng Yên, Việt Nam
   - Số điện thoại: +84 243 365 8245
   - Email: info@adcplastic.com
   - Fax number: +84 243 321 3268
   - Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: +84 243 365 8245

2. NHẬN DIỆN MỐI NGUY

1) Phân loại nguy hiểm
   - Nguy hiểm cho môi trường nước, lâu dài (mãn tính) mãn tính.
2) Các loại nhãn dán
   - Biểu tượng nguy hiểm

   - Nhãn cảnh báo độc hại: Không có
   - Tuyên bố phòng ngừa: H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
   - Phòng ngừa: P273 Tránh thải ra môi trường.
   - Phản ứng: P391 Thu thập chất đổ tràn.
   - Xử lý: P501 Vứt bỏ sản phẩm vào thùng chứa.
3) Các mối nguy khác
   Theo kinh nghiệm và thông tin cung cấp, sản phẩm này không gây ảnh hưởng có hại khi sử dụng và xử lý theo quy định.

3. THÀNH PHẦN VÀ THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên gọi theo UPAC	Cas Number	EC Number	Tỷ lệ thành phần (%)
Bột đá	471-34-1	-	Từ 80 đến 82
Stearic Acid	57-11-4	200-313-4	Khoảng 5
Zinc Stearate	91051-01-3	293-049-4	
PE Wax	9002-88-4	-	
White Oil	64742-54-7	265-157-1	
PP	9003-07-0	-	Từ 13 đến 15

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

1) Nếu tiếp xúc với mắt
   - Ngay lập tức gọi bác sĩ
2) Nếu tiếp xúc với da
   - Nếu kích ứng da hãy tìm kiếm chăm sóc y tế gần nhất
   - Cởi quần áo và giầy dép dính độc khỏi cơ thể
3) Sau khi hít phải
   - Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi cho trung tâm chăm sóc y tế gần nhất
   - Di chuyển tới nơi không khi trong lành.
4) Nếu nuốt phải
   - Nếu vô tình nuốt phải, cần được chăm sóc y tế ngay lập tức
5) Các tác động chậm và tức thời cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn
   - Không có dữ liệu
6) Lời khuyên của bác sĩ
   - Trong trường hợp tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy tìm tư vấn y tế ngay lập tức

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1) Phương tiện chữa cháy phù hợp và không phù hợp
   - Phương tiện chữa cháy phù hợp
   + Cháy lớn: Phun nước/ sương mù, bọt thông thường (Phương tiện chữa Cháy phù hợp)
   + Đám cháy nhỏ: Cát khô, hóa chất khô, bọt kháng cồn, phun nước, bọt thông thường, Cacbon dioxide (Bọt chữa cháy phù hợp)
   + Sử dụng các biện pháp dập lửa phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
   - Phương tiện chữa cháy không phù hợp.
   + Không sử dụng hơi nước vì có thể gây cháy lan.
2) Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp.
   - Sản phẩm quá trình nhiệt phân: không có dữ liệu
   - Nguy cơ cháy nổ: Làm nóng chảy hoặc cháy có thể giải phóng khí độc.
   - Khác: Có thể gây độc nếu hít phải.
3) Trang bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa.
   - Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy đeo thiết bị thở bình oxy.

6. THIẾT BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

1) Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp.
- Tránh hình thành bụi

2) Biện pháp phòng ngừa ảnh hưởng môi trường.
- Không để vật liệu chảy vào cống hoặc dòng nước.

3) Các phương pháp và dụng cụ để ngăn chặn và làm sạch
- Giữ trong các thùng chứa phù hợp và kín để xử lý
- Thu gom và xử lý không tạo bụi.

7. LƯU TRỮ VÀ BẢO QUẢN

1) Các biện pháp phòng ngừa để lưu trữ an toàn
- Để bảo vệ cá nhân. Xem phần 8.
- Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực làm việc.

2) Điều kiện bảo quản an toàn (Bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào)
- Cần lưu ý những vật liệu và điều kiện cần tránh.
- Bảo quản nơi khô ráo. Bảo quan trong hộp kín.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1) Giới hạn tiếp xúc hóa chất, tiêu chuẩn tiếp xúc sinh học.
- Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

2) Kỹ thuật kiểm soát phù hợp.
- Đảm bảo thông gió và hút khí thải đầy đủ tại nơi làm việc.

3) Phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Bảo vệ đường hô hấp.

+ Nếu tiếp xúc trực tiếp hoặc tiếp xúc với hơi vật liệu, hãy mặc bộ đồ bảo hộ hô hấp thích hợp.

- Bảo vệ mắt.

+ Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động liên quan đến điều kiện bụi bặm, sương mù hoặc khí, hãy mặc trang phục phù hợp với kính bảo hộ

- Bảo vệ tay: Đeo găng tay an toàn hóa chất.
- Bảo vệ da: Đeo găng tay bảo hộ/ quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ thính giác.

9. THÔNG TIN VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tên tính chất	Giá trị
Hình dạng bên ngoài	Dạng hạt, màu trắng
Trạng thái vật lý	Chất rắn
Màu sắc	Trắng
Mùi	Mùi nhẹ
pH	Không áp dụng
Nhiệt độ tự bốc cháy (oC)	>380
Nhiệt độ phân hủy (oC)	>300

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

1) Tính ổn định hóa học và khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm
   - Không bị phân hủy nếu được bảo quản và sử dụng theo chỉ dẫn
   - Ổn định ở nhiệt độ và áp suất môi trường bình thường.
2) Những điều cần tránh
   - Làm theo lời khuyên phòng ngừa và tránh các vật liệu và điều kiện không tương thích
3) Vật liệu không tương thích: Vật liệu dễ cháy
4) Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm
   - Sản phẩm này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ vật liệu nguy hiểm nào có giới hạn sinh học được thiếp lập theo quy định cụ thể của từng khu vực.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1) Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra: Không có dữ liệu.
2) Thông tin nguy hiểm sức khỏe
   - Độc cấp tính
     + Độc cấp tính qua đường miệng: Không được phân loại
       · Không có dữ liệu
     + Độc cấp tính (Da): Không được phân loại
       · Không có dữ liệu
     + Độc cấp tính (Hít phải: Khí): Không được phân loại
       · Không có dữ liệu
     + Độc cấp tính (Hít phải: Hơi): Không được phân loại
       · Không có dữ liệu
     + Độc cấp tính (Hít phải: Bụi/Sương): Không được phân loại
       · Không có dữ liệu
   - Ăn mòn/ kích ứng da: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Gây mẫn cảm đường hô hấp: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Gây mẫn cảm cho da: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Tính gây ung thư: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Biến đổi tế bào gốc: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Độc tính sinh sản: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Độc tính đối với mục đích cụ thể khi tiếp xúc một lần: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Độc tính đối với mục đích cụ thể khi tiếp xúc phơi nhiễm lặp đi lặp lại: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu
   - Nguy cơ hít phải: Không được phân loại
     · Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

1) Đặc tính sinh thái
- Nguy hiểm cho môi trường nước, ngắn hạn (Cấp tính)
  · Không có dữ liệu
- Nguy hiểm cho môi trường nước lâu dài (Mãn tính)
  · Không có dữ liệu

2) Tính bền vững và khả năng phân hủy:
· Không có dữ liệu

3) Tiềm năng tích lũy sinh học:
· Không có dữ liệu

4) Tính di động trong đất:
· Không có dữ liệu

5) Các tác dụng phụ khác:
· Không có dữ liệu

13. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ PHẾ THẢI

1) Phương pháp xử lý
- Các thùng rỗng nên được đưa đến địa điểm xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế và xử lý

2) Các biện pháp phòng ngừa (Bao gồm cả việc xử lý hộp đóng gói hàng bị nhiễm bẩn)
- Vứt bỏ theo quy định của địa phương.
- Gửi đến công ty quản lý chất thải được cấp phép

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

1) UN No: Không áp dụng
2) Tên vận chuyển thích hợp: Không áp dụng
3) Loại nguy hiểm: Không áp dụng
4) Nhóm đóng gói: Không áp dụng
5) Chất gây ô nhiễm bẩn: Không
6) Các biện pháp ngừa đặc biệt cho người dùng liên quan đến vận chuyển hoặc các biện pháp vận chuyển.
- Các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp hỏa hoạn: Không áp dụng
- Các biện pháp khẩn cấp trong nước thải: Không áp dụng
- Mã hạn chế đường hầm: Không áp dụng
- IMDG Chất gây ô nhiễm biển: Không áp dụng
- Vận tải hàng không (IATA)
  + UN No: Không áp dụng
  + Hạng hoặc ngành: Không áp dụng
  + Nhóm đóng gói: Không áp dụng

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

1) Trung Quốc, liệt kê các chất hóa học hiện có (IECSC)
- Kiểm kê - Trung Quốc - Kiểm kê các chất hóa học hiện có (IECSC)

2) 92/32/EEC
· Không có dữ liệu

3) European Union Official Joural of the European Communities 15 June 1900 - Annex Based on Article 13 of Directive 67/548/EEC Amended by Directive 79/831/EEC: Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

1) Tài liệu khác

- NCIS, KOSHA, Montreal Protocol, ECHA, OECD SIDS, EU IUCLID, HSDB(PubChem), NITE, NTP, ACGIH, IARC, NIOSH, ChemIDplus, EPA, EPI Suite, INCHEM.

2) Khác

- ACGIH: American Conference of Governmental Industrial Hygienists
- ADR: Agreement Concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road
- ATE: The Acute Toxicity Estimate
- ECHA: European Chemicals Agency
- EPA: United States Environmental Protection Agency
- EPI Suite: The Estimation Programs Interface for Windows
- EU IUCLID: International Uniform Chemical Information Database
- HSDB: Hazardous Substances Data Bank
- IARC: International Agency for Research on Cancer
- IATA: International Air Transport Association
- IMDG: International Maritime Dangerous Goods Codes
- INCHEM: Internationally Peer Reviewed Chemical Safety Information
- M-Factor: The Multiplication Factor
- NIOSH: National Institute of Occupational Safety and Health
- NITE: National Institute of Technology and Evaluation (JAPAN)
- NTP: National Toxicology Program
- SCL: Specific Concentration Limit
- OECD SIDS: Organization for Economic Co-operation and Development Screening Information Data sheet